

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày 11/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Thường.

2. Ông Vũ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giới- Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST- HS ngày 19/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST- HS ngày 31/7/2023 đối với bị cáo: Trần Quang H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/7/2002, tại thị xã N, tỉnh Yên Bái; Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Trần Văn S, sinh năm 1971 (đã chết). Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/11/2022 bị Công an tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính (Cảnh cáo) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Hoàng Thị H, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 3, phường T, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Phan Thị O, sinh năm 1973, trú tại: Tổ 5, phường C, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Thị Y, sinh năm 1959, trú tại: Tổ 3, phường C, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, trú tại: Tổ 3, phường C, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Trương Công H, sinh năm 1990, trú tại: Tổ 6, phường P, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Đào Thị L, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 7, phường Tr, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

1. Lê Thúy A, sinh năm 1994, trú tại: Tổ 6, phường P, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị T, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 12, phường Tr, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thanh T, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 4, phường P, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Đào Thị P, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 7, phường Tr, thị xã N. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 11/02/2022 đến ngày 02/8/2022, Trần Quang H đã cho 06 người là Hoàng Thị H, Phan Thị O, Hoàng Thị Y, Nguyễn Thị H, Đào Thị L và Trương Công H vay tiền, dưới hình thức “bốc hộ” với mức lãi suất từ 182,5%/năm đến 228,13%/năm, gấp 9,125 lần đến 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính. Mức lãi suất vượt quá được coi là khoản thu lợi bất chính. Số tiền gốc, tiền lãi, số thu lợi bất chính qua các lần cho vay của Trần Quang H được tính toán cụ thể như sau:

1. Vào các ngày 11/02/2022, 21/4/2022, 16/5/2022, 12/6/2022 và ngày 11/7/2022, Trần Quang H đã cho Hoàng Thị H, sinh năm 1984, trú tại tổ 3, phường T, thị xã N vay 05 lần, mỗi lần 8.000.000đ, thời hạn 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ/1 lần vay, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, như vậy lãi suất 01 năm là 228,13%/năm (0,625%/ngày x 365 ngày), gấp 11,4 lần (228,13%/năm: 20%/năm) mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hoàng Thị H đã trả đủ cho Trần Quang H số tiền lãi 05 lần vay là 10.000.000đ và 40.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp là: (số tiền gốc x 20% : 365 ngày) x số ngày đã thu lãi, cụ thể: 40.000.000đ x 20% : 365 ngày x 40 ngày

= 876.710đ. Tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là 9.123.290đ (10.000.000đ - 876.710đ = 9.123.290đ).

Tương tự cách tính nêu trên, đối với các khoản vay sau này, số tiền H thu lợi bất chính là:

2. Ngày 11/02/2022, Trần Quang H cho Đào Thị L, sinh năm 1980, trú tại tổ 7, phường Tr, thị xã N vay 8.000.000đ, hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, tương ứng 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Số tiền lãi hợp pháp là: 175.342đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 1.824.658đ.

Sau 24 ngày L đã trả cho H 4.800.000đ tiền gốc và 1.200.000đ tiền lãi, còn lại nợ lại 3.200.000đ tiền gốc và 800.000đ tiền lãi. H thỏa thuận với L là không tính lãi thêm nữa. Như vậy số tiền thu lợi bất hợp pháp thực tế H đã nhận là 1.024.658đ.

3. Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 02/8/2022, Trần Quang H cho Phan Thị O, sinh năm 1973, trú tại tổ 5, phường C, thị xã N vay 06 lần với tổng số tiền vay là 58.000.000đ.

- Lần thứ nhất: Ngày 11/3/2022 Huy cho O vay số tiền là 8.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, tương ứng 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. O đã trả hết cho H 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi.

Số tiền lãi hợp pháp là 175.342đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.824.658đ.

- Lần thứ hai: Ngày 04/6/2022 H cho O vay số tiền là 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,5%/ngày, tương ứng mức lãi suất 01 năm là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. O đã trả hết cho H 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi.

Số tiền lãi hợp pháp là 219.178đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.780.822đ.

- Lần thứ ba và lần thứ tư: Tương tự như lần thứ hai, ngày 07/6/2022 và ngày 01/7/2022 H cho O vay số tiền mỗi lần 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ/lần, tương đương mức lãi suất là 0,5%/ngày, tương ứng mức lãi suất 01 năm là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp 01 lần là 219.178đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp 01 lần là 1.780.822đ.

O đã trả cho H 20.000.000đ tiền gốc và 4.000.000đ tiền lãi. Tổng số tiền lãi hợp pháp của 02 lần vay là 438.356đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 3.561.644đ.

- Lần thứ năm: Ngày 03/7/2022 H cho O vay số tiền là 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,5%/ngày, tương ứng với lãi suất là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. O đã trả cho H 7.250.000đ tiền gốc và 1.450.000đ tiền lãi, còn nợ lại H

2.750.000đ tiền gốc và 550.000đ tiền lãi và H không tính lãi đối với số tiền gốc nợ lại nêu trên.

Số tiền lãi hợp pháp là: 219.178đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.780.822đ.

Số tiền thu lợi bất chính thực tế H đã nhận của O là 1.230.822đ.

- Lần thứ sáu: Ngày 02/8/2022 H cho O vay số tiền là 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,5%/ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. O đã trả cho H 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi, còn nợ lại 8.000.000đ tiền gốc và 1.600.000đ tiền lãi và H không tính lãi đối với số tiền gốc nợ lại nêu trên.

Số tiền lãi hợp pháp là: 219.178đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.780.822đ.

Số tiền thu lợi bất chính thực tế H đã nhận của O là 180.822đ.

Tổng số tiền thu lợi hợp pháp của 06 lần vay trên là: 1.271.233đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 10.728.768đ. Số tiền thu lợi bất chính thực tế H đã nhận của O là: 8.578.767đ.

4. Từ ngày 28/4/2022 đến ngày 19/7/2022, Trần Quang H cho Trương Công H, sinh năm 1990, trú tại tổ 6, phường P, thị xã N vay 03 lần với tổng số tiền vay là 24.000.000đ. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 28/4/2022, H cho H vay số tiền là 8.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, tương ứng 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. H đã trả hết cho H 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi.

Số tiền lãi hợp pháp là: 175.342đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.824.658đ.

- Lần thứ hai: Ngày 01/6/2022, H cho H vay 12.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 3.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, tương ứng 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. H đã trả cho H 10.200.000đ tiền gốc và 2.550.000đ tiền lãi, còn nợ lại 1.800.000đ tiền gốc và 450.000đ tiền lãi, H và H thỏa thuận H không phải trả cả gốc và lãi cho H nữa.

Số tiền lãi hợp pháp là: 263.014đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 2.736.986đ.

Số tiền thu lợi bất hợp pháp thực tế H đã nhận của H là 2.286.986đ (2.550.000đ - 263.014đ).

- Lần thứ ba: Ngày 19/7/2022, H cho H vay 4.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 1.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, tương ứng 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. H đã trả cho H 3.500.000đ tiền gốc và 875.000đ tiền lãi, còn nợ lại 500.000đ tiền gốc và 125.000đ tiền lãi, H và H thỏa thuận H không phải trả cho H nữa.

Số tiền lãi hợp pháp là: 87.671đ. Số tiền thu lợi bất chính là 912.329đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp thực tế H đã nhận là 787.329đ (875.000đ - 87.671đ).

Tổng số tiền thu lợi hợp pháp của 03 lần vay trên là: 526.027đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 5.473.973đ. Số tiền thu lợi bất chính thực tế H đã nhận của H là: 4.898.973đ.

5. Từ ngày 22/6/2022 đến ngày 22/7/2022, Trần Quang H cho Hoàng Thị Y, sinh năm 1959, trú tại tổ 3, phường C, thị xã N vay 02 lần với tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng.

- Lần thứ nhất: Ngày 22/6/2022 H cho Y vay 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,5%/ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Y đã trả hết cho H 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi.

Số tiền lãi hợp pháp là 219.178đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.780.822đ.

- Lần thứ hai: Ngày 22/7/2022 H cho Y vay 8.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, tương ứng 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Y đã trả hết cho H 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi.

Số tiền lãi hợp pháp là 175.342đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.824.658 đ.

Tổng số tiền thu lợi hợp pháp của 02 lần vay trên là: 394.520đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 3.605.480đ.

6. Ngày 02/8/2022, Trần Quang H cho Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, trú tại tổ 3, phường C, thị xã N vay 8.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, tính lãi 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất là 0,625%/ngày, tương ứng 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. H đã trả hết cho H 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi.

Số tiền lãi hợp pháp là 175.342đ. Số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.824.658đ.

Như vậy tổng số tiền Trần Quang H cho Hoàng Thị H, Phan Thị O, Hoàng Thị Y, Nguyễn Thị H, Đào Thị L và Trương Công H vay là: 156.000.000đ. Số tiền thu lợi bất chính H phải chịu trách nhiệm hình sự là: 32.580.827đ (Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận giữa H và những người vay là 36.000.000đ - Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự 3.419.173đ).

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quang H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 37/CT-VKS-NL, ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, đã truy tố Trần Quang H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Nghĩa Lộ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của

hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập từ 10% đến 15%. Tịch thu 156.000.000đ tiền gốc và 3.419.200đ tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H, Phan Thị O, Hoàng Thị Y, Nguyễn Thị H, Đào Thị L và Trương Công H không yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền lãi vượt quá 20%/năm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận với đại diện viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội:

Lời khai của bị cáo Trần Quang H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với lời khai của người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Từ 11/2/2022 đến ngày 02/8/2022, Trần Quang H cho Hoàng Thị H, Phan Thị O, Hoàng Thị Y, Nguyễn Thị H, Đào Thị L và Trương Công H vay tiền, với lãi xuất cao hơn từ 9,125 lần đến 11,4 lần mức lãi suất cao nhất được chấp nhận trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính số tiền 32.580.827đ.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định. *“Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

Trần Quang H là người có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ việc cho vay tiền với lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Với lãi xuất cao hơn từ 9,125 lần đến 11,4 lần mức lãi suất cao nhất được chấp nhận trong giao dịch dân sự (theo Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 32.580.827đ, nên hành vi của Trần Quang H cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo

khoản 1 Điều 201 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ truy tố.

Đây là vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh tiền tệ. Hành vi phạm tội của bị cáo trái với văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền đang trong hoàn cảnh khó khăn, lại càng khó khăn, điều đứng hơn, không được dư luận xã hội ủng hộ, nên cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.
- Về nhân thân: Ngày 29/11/2022 bị cáo đã bị Công an tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính (Cảnh cáo) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thể hiện bị cáo là người có nhân thân chưa tốt.

[4] Với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo như trên. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương trong một thời gian nhất định. Đồng thời khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng, tương ứng là 380.000 đồng/tháng (Áp dụng thu nhập bình quân 01 tháng tại địa phương là 3.800.000đ) để nộp ngân sách nhà nước, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự, mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, đồng thời răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng là tiền hoặc tài sản bị tịch thu.

Tổng số tiền gốc bị cáo Trần Quang H cho vay là 156.000.000đ, đây là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, trong đó:

Số tiền gốc người vay đã trả là 139.750.000đ cần tịch thu đối với bị cáo.

Số tiền gốc người vay chưa trả là 16.250.000đ nên cần tịch thu của những người vay, cụ thể: Đào Thị L là: 3.200.000đ, Phan Thị O là: 10.750.000đ và Trương Công H là: 2.300.000đ.

Số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm bị cáo H đã thu từ việc cho vay là 3.419.200đ, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H, Phan Thị O, Hoàng Thị Y, Nguyễn Thị H, Đào Thị L và Trương Công H không yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền lãi vượt quá 20%/năm, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự phù hợp với pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài các hành vi cho vay lãi nặng của Trần Quang H đã bị truy tố nêu trên, quá trình điều tra còn xác định:

- Ngày 01/8/2021 Trần Quang H đã cho Hoàng Thị T, vay số tiền 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 03 tháng với mức lãi là 5.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày, tức 1.500.000đ/tháng, (tương đương mức lãi suất 180%/năm), gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Ngày 01/6/2021 H cho Trần Thanh T, vay số tiền 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 05 tháng, với mức lãi là 3.000đ/01 triệu tiền vay/ngày, (tương đương mức lãi suất 108%/năm), gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Trong các ngày 03/9/2021 và 16/12/2021, Trần Quang H cho Hoàng Thị H, vay 02 lần, mỗi lần vay với số tiền là 8.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, với mức lãi 2.000.000đ cho mỗi lần vay, tương đương mức lãi suất 228,13%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Trong các ngày 09/12/2021, 01/01/2022 Trần Quang H cho Đào Thị L vay 02 lần, mỗi lần vay 8.000.000đ, kỳ hạn vay là 40 ngày, với mức lãi 2.000.000đ cho mỗi lần vay, tương đương mức lãi suất là 6.250đ/01 triệu tiền vay/ngày (tức 228,13%/năm), gấp 11,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền Trần Quang H cho Hoàng Thị T, Trần Thanh T, Hoàng Thị H và Đào Thị L vay nói trên là 52.000.000 đồng, tổng số tiền lãi H đã thu của những người nói trên là 16.500.000đ. Đối với các khoản vay này, tổng số tiền H thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và chưa có lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, các khoản vay này đều đã thanh toán xong trước ngày 11/02/2022, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, vì vậy căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Luật xử lý vi phạm hành chính, Viện kiểm sát kết luận Trần Quang H không phải chịu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những kết luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Quang H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Quang H 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Trần Quang H cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N để giám sát, giáo dục. Gia đình Trần Quang H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Trần Quang H, thành tiền là 380.000 đồng/tháng (Ba trăm tám mươi nghìn đồng một tháng), để nộp ngân sách nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, tiền hoặc tài sản tịch thu.

Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47; của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của Trần Quang H số tiền 143.169.200đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm đồng*) để nộp ngân sách nhà nước. Trong đó: Số tiền gốc người vay đã trả là 139.750.000đ (*Một trăm ba mươi chín triệu bảy trăm năm nghìn đồng*) và số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm là 3.419.200đ (*Ba triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm đồng*).

- Tịch thu của Đào Thị Ln 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*); Tịch thu của Phan Thị O 10.750.000đ (*Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và tịch thu của Trương Công H 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) là tiền gốc đã vay chưa trả, để nộp ngân sách nhà nước.

- Ghi nhận việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hoàng Thị H, Phan Thị O, Hoàng Thị Y, Nguyễn Thị H, Đào Thị L và Trương Công H không yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền lãi vượt quá 20%/năm.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Quang H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Hưng